TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **TP. ĐÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: **63**/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 22 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 51/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân P**, sinh năm 1974; trú tại: Tổ 36, phường K, quận N, thành phố Đ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975; trú tại: Tổ 36, phường K, quận N, thành phố Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Xuân P, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân P và ông Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/9/2006 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao hai con Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 25/8/2008 và Nguyễn V,

sinh ngày 10/10/2010 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Ly hôn các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* 150.000đ bà P tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà P đã nộp theo biên lai thu số 0009572 ngày 22/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận N, thành phố Đ.

Hoàn trả cho bà P150.000đ tiền tạm ứng án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Q.N;
- UBND xã Q, huyện K,
tỉnh Đ (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển sổ 01.2004, đăng ký ngày 31/9/2004).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Trần Công Hoan